

Mối quan hệ gia đình sau ly hôn: Những hệ lụy lâu dài đối với trẻ em

[Family Ties After Divorce: Long-Term Implications for Children]

TIẾN SĨ CONSTANCE R. AHRONS

Giáo sư danh dự, Đại học Nam California, và Cộng tác viên Nghiên cứu Cao cấp, Hội đồng về Gia đình Hiện đại.

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự hỗ trợ hào phóng của Trung tâm Gia đình, Trẻ em và Tòa án, Hội đồng Tư pháp California, Viện Nghiên cứu Cao cấp Radcliffe tại Harvard, Đại học Nam California và Quỹ cho Gia đình Hiện đại.

Thông tin liên lạc liên quan đến bài viết này nên được gửi đến Constance Ahrons, 5357 Croton Court, San Diego, CA 92109. E-mail: cahrons@usc.edu

Family Process, Tập 46, Số 1, năm 2006, FPI, Inc.

Dựa trên dữ liệu từ Nghiên cứu Gia đình Song nhân (Binuclear Family Study / một loại cấu trúc gia đình, nơi mà sau ly hôn hoặc chia tay, trẻ em được nuôi dạy chung giữa hai hộ gia đình) qua nhiều năm, 173 người con đã trưởng thành được phỏng vấn sau 20 năm kể từ khi cha mẹ họ ly hôn. Bài viết này đặt ra hai câu hỏi cơ bản: (1) Sau 20 năm ly hôn, mối quan hệ giữa phụ huynh ảnh hưởng như thế nào đến con cái của họ? và (2) Khi một phụ huynh tái hôn hoặc sống chung với người khác, điều này ảnh hưởng như thế nào đến cảm giác về gia đình của một đứa trẻ? Các phát hiện cho thấy, mối quan hệ của phụ huynh tiếp tục có ảnh hưởng đến gia đình song nhân sau 20 năm hôn nhân tan vỡ bằng cách tác động mạnh mẽ đến chất lượng các mối quan hệ trong hệ thống gia đình. Những đứa trẻ báo cáo rằng cha mẹ họ có sự hợp tác cũng cho biết mối quan hệ tốt hơn với cha mẹ đẻ, ông bà, cha mẹ kế và anh chị em ruột. Trong suốt 20 năm, phần lớn những đứa trẻ đã trải qua việc tái hôn của một hoặc cả hai bậc cha mẹ, và một phần ba trong số này nhớ lại việc tái hôn là căng thẳng hơn so với ly hôn. Trong số những

người đã trải qua việc tái hôn của cả hai bậc cha mẹ, hai phần ba cho biết tái hôn của cha là căng thẳng hơn so với của mẹ. Khi mối quan hệ của những đứa trẻ với cha xấu đi sau ly dị, mối quan hệ của chúng với ông bà nội, mẹ kế và anh chị em kế thường xa cách, tiêu cực hoặc không tồn tại. Việc các mối quan hệ gia đình có ổn định, cải thiện hay xấu đi phụ thuộc vào sự giao thoa phức tạp của nhiều yếu tố. Xét về ý nghĩa lâu dài của việc ly dị, sự cần thiết phải nhấn mạnh tầm quan trọng của quan điểm theo chu kỳ cuộc sống (life course) và hệ thống gia đình (family system).

Từ khóa: Ly hôn; Tái hôn; Trẻ em; Gia đình; Chính sách ly hôn; Nghiên cứu dài hạn.

Fam Proc 46:53–65, 2007

Sau 12 năm kết hôn, có với nhau ba mặt con, thực hiện 2 năm tư vấn và hai lần tạm thời ly thân (separations) rồi hòa giải (reconciliations), Michael và Dianne đã đến văn phòng của tôi để tìm kiếm lời khuyên từ "một chuyên gia". Họ đến, mang theo những bộ hồ sơ dày cộp, sẵn sàng chiến đấu và chứng minh cho bản thân mình. Họ đặt vấn đề: Ly hôn hay ở lại vì lợi ích của con cái? Cả hai đều đồng ý với hai điểm chính: Cuộc hôn nhân của họ rất khổ sở (miserable) và họ yêu thương con cái. Dianne có bằng chứng nghiên cứu cho thấy trẻ em sẽ tốt hơn nếu họ ở lại với nhau, và Michael cũng có dữ liệu mạnh mẽ cho thấy trẻ em sẽ tốt hơn nếu họ ly hôn.

Như hai phụ huynh quan tâm, Michael và Dianne chính xác phản ánh những báo cáo truyền thông mâu thuẫn và rối rắm về ảnh hưởng của việc ly hôn đối với trẻ em. Vào một ngày nào đó chúng ta nghe tin tốt về trẻ em và chuyện ly hôn: Trẻ em có cha mẹ ly hôn lớn lên thành người trưởng thành có khả năng thích nghi tốt (well-adjusted), khỏe mạnh về mặt cảm xúc (emotionally healthy). Nhưng ngày tiếp theo lại là tin xấu: Trẻ em có cha mẹ ly hôn bị định mệnh phải gặp các vấn đề cảm xúc kéo

dài vào tuổi trưởng thành. Những quan điểm cực đoan này - ly hôn là thảm họa và ly hôn không quan trọng - đã quá đơn giản hóa thực tế cuộc sống phức tạp của chúng ta. Tuy nhiên, một lượng lớn kết quả nghiên cứu đã thách thức những quan điểm cực đoan này và tiết lộ một bức tranh tổng quan về ly hôn, một bức tranh không thể giải thích qua những kết luận ngắn gọn, dễ nhớ (sound-bite conclusions).

Việc rút ra kết luận về ly hôn là một nhiệm vụ rất khó khăn, không chỉ bởi những vấn đề chính trị xung quanh nó (xem Adams & Coltrane, 2007) mà còn bởi các nhà nghiên cứu sử dụng những chuẩn mực, thước đo (yardsticks) khác nhau khi họ nghiên cứu về ảnh hưởng của ly hôn. Là những nhà lâm sàng và nghiên cứu, hầu hết chúng ta đều phải đấu tranh để ngăn ngừa giá trị cá nhân làm lệch lạc (bias) công việc của mình, nhưng quá trình trị liệu hay quá trình nghiên cứu không thể không có giá trị, và thực sự có người cho rằng nó không nên như vậy. Những câu hỏi mà một nhà nghiên cứu đặt ra, người họ chọn để nghiên cứu, các biến số họ quyết định đo lường kết quả và các yếu tố can thiệp, cách họ đánh giá dữ liệu, và các giải thích và kết luận họ rút ra đều được suy ra từ khung tham chiếu (frame of reference) mà nhà nghiên cứu sử dụng. Rõ ràng là ngay cả khi chúng ta dựa vào các bài báo trong tạp chí học thuật và sách vở dựa trên nghiên cứu, chúng ta vẫn bối rối bởi những phát hiện mâu thuẫn nhau.

NGHIÊN CỨU DÀI HẠN (LONGITUDINAL RESEARCH)

Mặc dù tài liệu nghiên cứu về ly hôn đã phát triển đáng kể trong ba thập kỷ qua, nhưng các nghiên cứu sử dụng mẫu gồm có cả mẹ, cha và con cái, theo dõi họ qua thời gian, lại rất hạn chế [ý là không có nhiều nghiên cứu dạng này]. Ba nghiên cứu dài hạn (kéo dài 20 năm hoặc lâu hơn) là những ngoại lệ - bằng cách cung cấp dữ liệu phỏng vấn sâu rộng về cha mẹ và con cái của họ và đóng góp quan trọng vào việc hiểu biết về quá trình ly hôn trong thời gian dài (long-term process of divorce) và ảnh hưởng của nó đối với gia đình. Những nghiên cứu dài hạn này có sự đa

dạng trong mẫu nghiên cứu (samples), thiết kế (designs), phương pháp luận (methodologies) và khung khái niệm (conceptual frameworks). Mỗi nghiên cứu có những điểm mạnh và hạn chế riêng của nó.

Dự án Marin County là một nghiên cứu lâm sàng sâu rộng về 60 gia đình bắt đầu từ năm 1971. Một điểm mạnh chính của nghiên cứu Marin County cũng chính là điểm yếu lớn của nó. Mặc dù đây là một nghiên cứu lâm sàng được đánh giá cao, quy trình lấy mẫu và đặc điểm của mẫu là những hạn chế khiến việc tổng quát hóa kết quả cho một mẫu phi lâm sàng (nonclinical sample) trở nên rất khó khăn. Các gia đình được cung cấp tư vấn ly hôn như một sự động viên để tham gia. Mặc dù trẻ em đang trong quá trình trị liệu đã được loại trừ, "hai phần ba số cha mẹ có tiền sử tâm thần từ trung bình đến nặng" (Wallerstein & Kelly, 1980, tr. 328). Do đó, mẫu này có khả năng cao chỉ đại diện cho các gia đình gặp rắc rối nghiêm trọng và không thể tổng quát cho nhóm dân số gia đình rộng lớn hơn sau ly hôn.

Dự án Virginia bao gồm một loạt các nghiên cứu dài hạn về hôn nhân, ly hôn và tái hôn. Điểm mạnh lớn nhất: đây là một phương pháp tiếp cận đa dạng toàn diện, sử dụng nhóm so sánh là các gia đình đã kết hôn, từ đó thu được những phát hiện có cơ sở rộng rãi. Mặc dù tổng số mẫu nghiên cứu lên đến 900 thanh thiếu niên thuộc các gia đình không ly hôn, đã ly hôn và tái hôn là lớn trong đánh giá 20 năm, nhưng mẫu ban đầu từ các gia đình mới ly hôn theo dõi theo thời gian chỉ bao gồm 61 người lớn (Hetherington, 2003; Hetherington & Kelly, 2002).

Nghiên cứu Binuclear Family Study gồm 98 gia đình được xây dựng dựa trên những phát hiện ban đầu từ các nghiên cứu tại Marin County và Virginia. Điểm mạnh của nó là quy trình chọn mẫu ngẫu nhiên (random sampling procedure), bao gồm các thỏa thuận quyền nuôi con pháp lý và không chính thức khác nhau, tập trung sâu vào mối quan hệ của các bậc cha mẹ đã ly hôn, bao gồm tất cả các anh chị em trong gia đình, tỷ lệ phản hồi cao và việc phát triển các thang đo tâm lý đã được

kiểm chứng (Ahrons, 1994, 2001).[1] Hạn chế bao gồm việc trẻ em chỉ được phỏng vấn một lần sau 20 năm ly hôn và những báo cáo này là có tính chất hồi cứu [retrospective / nhìn lại quá khứ].

Đáng chú ý, qua cách chúng được phản ánh trong các báo cáo về kết quả từ ba nghiên cứu này, là những giả định cơ bản của các nhà nghiên cứu đã hình thành nên quan niệm của họ về ly hôn. Nghiên cứu tại Marin County được xây dựng dựa trên mô hình bệnh lý của ly hôn, và các phát hiện [đã] phản ánh mô hình đó thông qua việc nhấn mạnh vào mất mát, bỏ rơi, đau khổ và rối loạn. Nền tảng của nghiên cứu Virginia là mô hình rủi ro và khả năng phục hồi, nhưng nghiên cứu này cũng được thực hiện trong một góc nhìn thiếu sót khi sử dụng nhóm so sánh là “người bình thường” (gia đình không ly hôn, nguyên vẹn, hôn nhân lần đầu). Các phát hiện cũng cho thấy sự đau khổ, tuy nhiên trọng tâm hơn là vào sức mạnh và khả năng phục hồi. Ngược lại, Nghiên cứu Gia đình Song nhân (Binuclear Family Study) giả định một mô hình ly hôn bình thường và sử dụng so sánh trong nhóm các gia đình đã ly hôn để đánh giá các đặc điểm khác biệt dẫn đến kết quả đa dạng. Mặc dù các phát hiện cũng chỉ ra nguồn gốc của sự đau khổ, trọng tâm là vào kết quả tốt, xác định các yếu tố phân biệt giữa kết quả lành mạnh và không lành mạnh.

Điều đáng chú ý về những nghiên cứu này, bất chấp nhiều khác biệt giữa chúng, là kết luận có nhiều điểm tương đồng hơn là khác biệt. Ví dụ, về các biện pháp đánh giá kết quả toàn diện, mỗi nghiên cứu đều kết luận rằng nỗi buồn bã xung quanh việc ly hôn của cha mẹ sẽ giảm bớt theo thời gian và rằng đại đa số trẻ em lớn lên (75%–80%) đang sinh sống như những người trưởng thành khỏe mạnh. Ngoài ra, tất cả các nghiên cứu đều báo cáo rằng ly hôn mang lại những rủi ro nhất định, là một quá trình chuyển tiếp căng thẳng và phức tạp về mặt cảm xúc cho gia đình, và tiếp tục ảnh hưởng đến trẻ em khi trưởng thành. Những khác biệt xuất hiện được gắn liền trong việc giải thích các phát

hiện, sao cho các phát hiện được diễn giải để phản ánh những quan niệm cơ bản của người nghiên cứu.

Một hạn chế chung của tất cả các nghiên cứu là mẫu bao gồm các gia đình trung lưu da trắng (*White middle-class families*). Vì vậy, những phát hiện của họ không thể được khái quát hóa cho các dân tộc hoặc tầng lớp xã hội khác. Điều làm cho ba nghiên cứu này trở nên độc đáo là các nhà nghiên cứu đã nghiên cứu và theo dõi gia đình trong ít nhất 20 năm, nhưng chính điểm mạnh này cũng ẩn chứa một điểm yếu lớn. Một trong những khía cạnh gây vỡ mộng nhất của nghiên cứu dài hạn là những phát hiện có thể đã lỗi thời vào thời điểm nghiên cứu hoàn thành. Các vụ ly hôn được nghiên cứu trong cả ba dự án nghiên cứu đều diễn ra từ năm 1970 đến năm 1980, thời điểm trước những cải cách pháp lý lớn như luật [ly hôn] không có lỗi* (*no-fault legislation*) và quyền nuôi con chung (*joint custody*). Cha mẹ trong những nghiên cứu này ly hôn ngay trước những thay đổi này và giữa những thay đổi lớn về vai trò giới (*gender roles*). Do tác động có thể có của những thay đổi này, cùng với việc giảm bớt sự kỳ thị gắn liền với việc ly hôn và các lựa chọn thay thế mới xuất hiện cho quá trình pháp lý đối lập, không thể biết liệu tất cả những phát hiện này có thể được khái quát hóa cho những đứa trẻ trải qua cuộc ly hôn của cha mẹ trong thế kỷ 21 hay không.

[1] Dữ liệu T1–T3 được lưu trữ tại Kho lưu trữ khoa học xã hội Harvard, Trung tâm nghiên cứu Murray, Cambridge, MA. Lần 4 sẽ được lưu trữ vào năm 2007.

*no-fault legislation: việc ly hôn được tiến hành mà không cần phải chứng minh một trong hai người có lỗi nghiêm trọng (ví dụ như ngoại tình, bạo lực gia đình) - btv.

NGHIÊN CỨU GIA ĐÌNH SONG NHÂN

Trong bài viết này, tôi sẽ dựa trên những phát hiện từ Nghiên cứu Gia đình Song nhân (*Binuclear Family Study*) để tập trung vào hai trong số những yếu tố phức tạp: mối quan hệ đồng cha mẹ (*coparental relationship*) và việc cha mẹ tái hôn (*parental remarriage*). Cả hai yếu tố

này đã được xác định trong tài liệu là những biến số nổi bật làm trung gian cho tác động của việc ly hôn đối với trẻ em. Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể là: (1) Sau 20 năm ly hôn, mối quan hệ giữa cha mẹ có ảnh hưởng gì đến con cái họ? và (2) Khi cha mẹ tái hôn (remarries) hoặc sống chung (cohabits / không kết hôn chính thức về mặt luật pháp), điều đó ảnh hưởng như thế nào đến cảm giác về gia đình của đứa trẻ?

Ngày nay người ta chấp nhận rộng rãi rằng xung đột nghiêm trọng, liên tục giữa cha mẹ sẽ gây ra hậu quả tiêu cực cho con cái, bất kể cha mẹ chúng đã kết hôn hay ly hôn. Mặc dù hầu hết các bậc cha mẹ sẽ tái hôn hoặc có người mới trong vòng 5 năm sau khi ly hôn, nhưng các tài liệu ít chú ý đến ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi lớn này của gia đình đối với con cái. Ví dụ, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa trẻ em với anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha (half siblings / chung nửa dòng máu) và anh chị em kế (stepsiblings / không ruột thịt) cũng như mối quan hệ giữa mẹ đẻ và mẹ kế (stepmother) còn thiếu.

Mẫu, Thu thập Dữ liệu và Thiết kế [2]

Dữ liệu được thu thập từ Nghiên cứu Gia đình Song nhân, một nghiên cứu dài hạn theo dõi cuộc sống của các gia đình ly hôn trong 20 năm. Nghiên cứu bắt đầu vào năm 1979, với việc phỏng vấn 98 cặp vợ chồng cũ, tất cả đều có ít nhất một con nhỏ, và được chọn ngẫu nhiên từ hồ sơ ly hôn công cộng ở Dane County, Wisconsin. Cuộc phỏng vấn với cả hai bậc cha mẹ được tiến hành sau 1, 3 và 5 năm kể từ thời điểm ly hôn hợp pháp. Trong đợt phỏng vấn thứ hai và thứ ba, các bên tham gia đã xác định các đối tác mới, dù đã kết hôn hay sống chung, và những người cha mẹ kế này cũng được phỏng vấn. Trong số 122 người bạn đời mới tại Thời điểm 2, có 91 (75%) người đã được phỏng vấn. Tại Thời điểm 3, có 115 người bạn đời mới được xác định và 85 (74%) người đã được phỏng vấn.

Dữ liệu được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn sâu rộng với mỗi thành viên trong gia đình. Các cuộc phỏng vấn này là bán cấu trúc

(semistructured), cho phép người trả lời tự do diễn đạt bằng lời của mình và mở rộng các vấn đề. Chúng được tiến hành bởi sinh viên sau đại học ngành lâm sàng và trung bình kéo dài 1 giờ rưỡi, dao động từ 1 đến 4 giờ. Tỷ lệ phản hồi sau 5 năm là 90%, một tỷ lệ cao bất thường cho các nghiên cứu dài hạn.

Mẫu nghiên cứu chủ yếu là người da trắng và thuộc tầng lớp trung lưu. Tại cuộc phỏng vấn đầu tiên, đa số các bậc phụ huynh đều ở độ tuổi giữa 30 (34 - 35 - 36). Hôn nhân của họ kéo dài trung bình 10 năm, và mỗi gia đình có trung bình 2 con (khoảng từ 1–5 trẻ). Vào thời điểm ly hôn, 20% trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo, 50% ở độ tuổi tiểu học và 30% là thanh thiếu niên (lứa tuổi teen). Bảy mươi lăm phần trăm các bà mẹ có việc làm, và hơn một nửa số cha và 38% số mẹ có bằng cấp đại học (xem phụ lục trong Ahrons, 1994, để biết thêm thông tin chi tiết về mẫu nghiên cứu và quy trình lấy mẫu).

[2] Tôi đã bỏ qua chi tiết phương pháp luận thông thường trong một bài nghiên cứu vì nó sẽ hạn chế phạm vi phát hiện có thể được trình bày. Vì lợi ích của khả năng ứng dụng lâm sàng, tôi đã chọn trình bày phạm vi rộng hơn các phát hiện và các ấn phẩm được tham khảo trong đó trình bày chi tiết hơn về phương pháp luận.

Dữ liệu được trình bày trong bài viết này đã được thu thập vào Thời điểm 4. Cuộc phỏng vấn với những đứa trẻ đã trưởng thành được tiến hành vào năm 1999/2000, sau 20 năm chúng tôi phỏng vấn cha mẹ của chúng. Hầu hết những người con trưởng thành này đã được tìm kiếm thông qua các công cụ tìm kiếm máy tính, sách điện thoại trực tuyến và liên lạc với anh chị em; đối với một số ít, chúng tôi đã liên hệ với cha mẹ của họ để lấy thông tin liên lạc. Tổng số 98 gia đình ban đầu có tổng cộng 204 con cái; trong số này, chúng tôi đã có thể tìm thấy 193 người và hoàn thành việc phỏng vấn với 173 người. Những người con trưởng thành này đại diện cho 89 trong số 98 gia đình ban đầu.

Tại thời điểm phỏng vấn, những người con đã trưởng thành (gồm 84 phụ nữ và 89 nam giới) có độ tuổi từ 21 đến 52 ($M = 31.31$, $SD = 6.31$).

Mặc dù tiêu chuẩn ban đầu để cha mẹ tham gia là họ phải có con nhỏ, tất cả những người con trưởng thành trong gia đình đều được phỏng vấn, dẫn đến việc có 10 người tham gia [đứa con] đã trên 18 tuổi vào thời điểm ly hôn. Phần lớn những người con trưởng thành này có trình độ học vấn cao: 23% đã hoàn thành chương trình sau đại học hoặc trường chuyên nghiệp, 33% đã hoàn thành bậc đại học, 31% đã hoàn thành một số khóa học sau trung học, 10% đã nhận bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và 3% đã hoàn thành giáo dục của mình trước khi nhận bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Đa số (85%) trong số những người con trưởng thành này có việc làm vào thời điểm phỏng vấn.

Tổng cộng có 52% (n = 90) cho biết hiện đang hoặc đã từng kết hôn trước đây: 29% (n = 26) đã ly hôn và trong số 26 người đó, 17 người vẫn chưa lập gia đình. Vào thời điểm nghiên cứu, 42% (n = 73) đang trong mối quan hệ hôn nhân. Trong số 58% (n = 100) cho biết họ chưa kết hôn tại thời điểm phỏng vấn, hơn một nửa nói rằng họ đang có một mối quan hệ nghiêm túc và một nửa trong nhóm này đang sống thử. Trong số 68 người tham gia là cha mẹ, hầu hết tất cả (n = 63) đều có ít nhất một con ruột và 5 người cho biết có con nuôi hoặc con kế [con ruột của đối tác, nhưng không phải con ruột của họ]. Độ tuổi trung bình đánh dấu quá trình chuyển sang làm cha mẹ của họ là 27 (phạm vi là 18–37).

Mặc dù những cuộc phỏng vấn trước đây với phụ huynh được tiến hành trực tiếp, nhưng do sự phân bố địa lý, việc thực hiện điều này với con cái khi đã trưởng thành không khả thi. Thay vào đó, cuộc phỏng vấn với những người con đã trưởng thành được thực hiện qua điện thoại bởi sinh viên tiến sĩ lâm sàng và kéo dài từ 1 đến 2 giờ. Phỏng vấn qua điện thoại được ghi nhận là một phương pháp đáng tin cậy và hợp lệ (Tausig & Freeman, 1988). Một trong những điểm mạnh của nghiên cứu này là các cuộc phỏng vấn không phải là "cuộc phỏng vấn lạnh". Từ cuộc phỏng vấn của cha mẹ, các genogram chi tiết và một nguồn thông tin dồi dào về gia đình của các đối tượng đã có sẵn. Khả năng nói về các thành viên trong gia đình của người tham gia bằng tên đã kích thích sự quan

tâm của họ và cho phép người phỏng vấn nhanh chóng thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với người tham gia. Các cuộc phỏng vấn được ghi âm và sau đó được chuyển thành văn bản, mã hóa.

Các cuộc phỏng vấn được cấu trúc một cách linh hoạt, khuyến khích cung cấp cả câu trả lời định lượng và định tính. Phù hợp với phương pháp nghiên cứu định tính, người tham gia được khuyến khích kể câu chuyện của mình bằng lời của họ một cách tự do và chi tiết theo ý muốn; người phỏng vấn sẽ đi sâu vào các chi tiết khi cần thiết. Những câu trả lời này sau đó được hai trợ lý nghiên cứu xem xét, và các danh mục được gán sau đó so sánh. Tiếp theo, từng câu hỏi trong mỗi cuộc phỏng vấn được mã hóa bởi hai nhà nghiên cứu trong dự án và kết quả mã hóa của họ được so sánh. Khi có bất đồng giữa các nhà mã hóa xảy ra, giám đốc dự án sẽ xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng.

Lịch trình phỏng vấn được tổ chức nhằm thu thập thông tin về quá trình gia đình theo thời gian, từ những năm trước khi ly hôn cho đến hiện tại, với sự chú ý đặc biệt đến thời điểm ly hôn của cha mẹ và, nếu có liên quan, những cuộc hôn nhân tiếp theo. Các cuộc phỏng vấn tập trung vào cách mà ly hôn của cha mẹ đã thay đổi, mở rộng, làm tổn thương và/hoặc củng cố mối quan hệ gia đình theo thời gian.

Nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng báo cáo hồi tưởng của trẻ em khá ổn định và các báo cáo này có độ chính xác hợp lý (xem bài tổng quan của Brewin, Andrews, & Gotlib, 1993). Sự quan tâm của tôi là vào cách mà những người con đã trưởng thành cảm nhận và gắn kết ý nghĩa với các sự kiện xung quanh việc ly hôn của cha mẹ, chứ không phải liệu những cảm nhận đó có phản ánh một sự thật tuyệt đối hay không. Mục tiêu của tôi không phải là xác định một bộ sự kiện khách quan nhất quán về việc ly hôn của cha mẹ những người tham gia, mà là để xác định hậu quả của việc ly hôn như được trải nghiệm bởi con cái và hiểu được quá trình mà họ đi đến trải nghiệm này. Tôi muốn nghe tiếng nói của những người con đã trưởng thành khi họ suy ngẫm về ảnh

hưởng của việc ly hôn của cha mẹ họ 20 năm trước. (Xem phụ lục trong Ahrons, 2004, để biết thông tin chi tiết hơn về mẫu và thu thập dữ liệu.)

TỔNG QUAN VỀ CÁC PHÁT HIỆN

Ảnh hưởng của mối quan hệ giữa cha mẹ lên con cái sau 20 năm kể từ khi ly hôn là gì?

Trong ba đợt đầu của nghiên cứu, mối quan hệ của cha mẹ được đánh giá dựa trên một thang điểm tổng hợp gồm 13 tiêu chí để xác định mức độ và loại xung đột cũng như sự hỗ trợ trong mối quan hệ của họ (các thang điểm được phát triển cho nghiên cứu này, cùng với độ tin cậy ước lượng trong ba đợt, có thể được cung cấp từ tác giả). Từ những cuộc phỏng vấn này, năm kiểu mô hình quan hệ cha mẹ ly hôn đã xuất hiện (Ahrons & Wallisch, 1987). Các kiểu mô hình này tạo thành một dãy liên tục với các cặp vợ chồng ly hôn thân thiện nhất ở một đầu (bạn bè hoàn hảo), và ở đầu kia là những bậc cha mẹ đã ngừng liên lạc với nhau hoàn toàn (đôi bạn tan rã). Ba nhóm khác (đồng nghiệp hợp tác, cộng sự tức giận, kẻ thù nóng bỏng) tập trung dọc theo dãy liên tục giữa hai cực. Khi chúng tôi phỏng vấn con cái của họ khi đã trưởng thành, chúng tôi đã đọc cho họ nghe những mô tả ngắn gọn về từng kiểu mô hình này và yêu cầu họ xác định xem kiểu nào phản ánh chính xác nhất mối quan hệ của cha mẹ họ vào thời điểm hiện tại, tiếp theo là yêu cầu họ đánh giá lại cha mẹ của mình vào thời điểm ly hôn. Họ cũng được hỏi các câu hỏi khác về suy nghĩ của họ, liên quan đến ảnh hưởng của mối quan hệ cha mẹ lên cuộc sống của bản thân, cả vào thời điểm hiện tại và qua nhiều năm.

Tin tốt là hơn một nửa số người tham gia cho biết bố mẹ họ giờ đây có mối quan hệ khá tốt khi họ đã trưởng thành. Trong khi 40% cho biết bố mẹ họ đã hợp tác vào thời điểm ly hôn, thì 60% cho biết bố mẹ họ đã hợp tác sau 20 năm (Ahrons, 2004).

Khi phản hồi với năm mô tả về phân loại, một nửa số người nói rằng bố mẹ họ giờ đây là đồng nghiệp hợp tác, và thêm 10% miêu tả họ như những người bạn hoàn hảo. Chỉ có 22% cho biết bố mẹ họ vẫn là đối tác giận dữ hoặc kẻ thù nóng bỏng, và 18% cho biết bố mẹ của họ giờ đây đã tan rã.

Tuy nhiên, những phát hiện bất ngờ nhất xuất hiện trong nhóm miêu tả bố mẹ của họ như những người bạn cực kỳ thân thiện, hoàn hảo. Số lượng bố mẹ có thể được gọi là bạn bè tốt đã tăng gấp bốn lần từ thời điểm ly hôn cho đến 20 năm sau đó. Mặc dù vẫn chỉ là một tỷ lệ nhỏ trong số các bậc cha mẹ ly hôn, nhưng thật thú vị khi ít nhất theo con cái của họ, một nhóm đáng kể các bậc cha mẹ đã trở thành bạn bè tốt sau 20 năm ly dị.

Không có yếu tố đơn lẻ nào góp phần nhiều vào việc tự báo cáo (self-reports) về mức độ hạnh phúc và bình an (well-being) của trẻ em sau khi bố mẹ ly dị hơn là mối quan hệ tiếp tục giữa cha mẹ của chúng. Những đứa trẻ có cha mẹ biết cách hợp tác cho biết chúng có quan hệ tốt đẹp hơn với cha mẹ đẻ, ông bà, cha mẹ kế và anh chị em ruột (siblings). Hơn tất cả, các em mong muốn có mối quan hệ với cả hai bậc cha mẹ. Điều mà các con muốn không phải là cha mẹ họ phải làm bạn với nhau, mà quan trọng hơn là họ cư xử lịch sự và không nói xấu lẫn nhau.

Ngay cả sau 20 năm ly hôn, khi những đứa trẻ đã trưởng thành và nhiều người trong số họ đã có con cái của chính mình, họ [những đứa trẻ trong gia đình ly dị] vẫn mong muốn cha mẹ mình có thể hòa thuận. Có những dịp đặc biệt trong gia đình, như lễ tốt nghiệp, đám cưới và sinh nhật của cháu, mà hầu hết các con đã lớn đều muốn chia sẻ cùng cả hai bậc cha mẹ của mình.

Những người con đã trưởng thành mà vẫn giữ mối quan hệ với cả hai bậc cha mẹ dù cho sự thù địch giữa họ vẫn tiếp diễn thì vẫn phải đối

mặt với xung đột lòng trung thành. Trong những giai đoạn trước đây của cuộc đời, một số người đã giải quyết xung đột lòng trung thành này bằng cách chọn phe theo cha hoặc theo mẹ. Người khác lại cảm thấy cuộc sống của họ bị chia rẽ bởi vì họ phải giữ mối quan hệ với cha mẹ hoàn toàn riêng biệt.

Tất cả những đứa trẻ trưởng thành có cha mẹ tiếp tục xung đột đều nói về nỗi đau khổ mà chúng cảm thấy khi cố gắng xoay sở giữa cha mẹ. Đám cưới, ngày sinh nhật và lễ tốt nghiệp là những dịp duy nhất cha mẹ họ ở bên nhau, và tất cả những dịp này đều đặt ra những tình huống khó xử cho con cái họ. Một số tỏ ra cứng rắn và nói với cha mẹ rằng họ phải cư xử lịch sự nếu không sẽ không được mời. Những người khác hy vọng và cầu nguyện rằng cha mẹ họ sẽ cư xử đúng mực và không làm hỏng lễ kỷ niệm của họ, và những người khác nữa lại chọn cách không lôi kéo cha mẹ họ vào. Một số giải quyết vấn đề nan giải bằng cách chỉ mời một phụ huynh. Khoảng một nửa nhóm nhỏ có mối quan hệ cha mẹ tan vỡ lưu ý rằng mặc dù cha mẹ họ không có sự tương tác nhưng cả hai vẫn tham dự một số sự kiện đặc biệt của con mình. Thật không thoải mái khi có sự hiện diện của cả cha lẫn mẹ nhưng đối với hầu hết mọi người, điều đó vẫn còn tốt hơn là loại bỏ một người, cha hoặc mẹ ra khỏi bức tranh.

Khi suy ngẫm về mối quan hệ của cha mẹ đã ảnh hưởng đến họ như thế nào trong suốt những năm qua, họ nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ đó đối với sự thoải mái của họ trong việc sắp xếp cuộc sống và quá trình chuyển đổi qua lại giữa các gia đình của cha mẹ họ. Ví dụ, với tư cách là một nhóm, họ ít quan tâm hơn đến số ngày cụ thể mỗi tuần hoặc tháng mà họ sống với cha hoặc mẹ mà họ quan tâm đến mối quan hệ của cha mẹ họ truyền tải bầu không khí cảm xúc xung quanh quá trình chuyển đổi giữa các gia đình cha mẹ của họ như thế nào.

Phân tích ba đợt phỏng vấn cha mẹ đầu tiên cho thấy rằng trong những gia đình mà cha mẹ không xảy ra xung đột nghiêm trọng, người cha quan tâm nhiều hơn đến con cái (Ahrns & Miller, 1993). Ở mốc 20 năm, một nửa số trẻ em trưởng thành cảm thấy mối quan hệ của chúng với cha thực sự được cải thiện sau khi ly hôn, và hơn một phần ba cho biết mối quan hệ của chúng xấu đi. 12% cho biết không có thay đổi nào trong mối quan hệ của họ. Những đứa trẻ có mối quan hệ tốt hơn hoặc giữ nguyên được hưởng lợi từ sự tham gia của cha nhiều hơn đáng kể trong 5 năm đầu tiên sau khi ly hôn, trong khi sự tham gia của cha thấp có liên quan đến các báo cáo cho thấy mối quan hệ của chúng với cha trở nên tồi tệ hơn (Ahrns & Tanner, 2003).

Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu là sự thay đổi trong mối quan hệ giữa con cái đã trưởng thành với cha của họ sau ly hôn có liên quan đến mối quan hệ giữa cha mẹ họ. Hình ảnh chính xuất hiện là khi xung đột giữa cha mẹ giảm bớt và sự hỗ trợ tăng lên giữa họ trong những năm đầu sau ly hôn, con cái đã trưởng thành báo cáo rằng mối quan hệ của họ với cha hoặc được cải thiện hoặc ổn định. Điều quan trọng cần lưu ý là khi mối quan hệ đồng phụ huynh có xung đột và không được cải thiện hoặc trở nên tồi tệ hơn, mối quan hệ cha-con trong tương lai có khả năng bị đe dọa. Mặc dù có những yếu tố quan trọng khác (ví dụ, sự tức giận của mẹ với cha, quan điểm của cô ấy về quyền làm cha, sự không hài lòng với việc chu cấp cho con) có thể làm giảm sự tham gia của cha, nhưng những yếu tố khác này có khả năng được thể hiện qua mối quan hệ đồng phụ huynh (Ahrns & Miller, 1993).

Những gì kết quả nghiên cứu chỉ ra là khả năng của các bậc phụ huynh đã ly hôn trong việc thiết lập một đơn vị phụ huynh có tính hỗ trợ, ít xung đột sẽ lan tỏa lợi ích trong gia đình ngay cả sau 20 năm. Khi xét gia đình từ góc nhìn cuộc sống qua các giai đoạn (Bengtson & Allen, 1993), chúng ta biết rằng dù vai trò có thể thay đổi, cuộc sống của con cái đã trưởng thành và cha mẹ của họ vẫn tiếp tục phụ thuộc lẫn nhau. Những phát hiện này cho thấy rằng tiểu hệ thống phụ huynh (parental

subsystem) tiếp tục ảnh hưởng đến gia đình song nhân 20 năm sau sự cố ly hôn bằng cách tác động mạnh mẽ lên chất lượng các mối quan hệ trong hệ thống gia đình.

Khi phụ huynh tái hôn (remarries) hoặc sống chung (cohabits), điều này ảnh hưởng như thế nào đến cảm nhận của trẻ về gia đình?

Hai mươi năm sau khi cha mẹ ly hôn, hầu hết những người con đã trưởng thành đã chứng kiến ít nhất một phụ huynh của họ tái hôn. Trong 89 gia đình được phân tích, ít nhất một cuộc tái hôn xảy ra ở 95% số gia đình; 72% (n = 64) số mẹ và 87% (n = 77) số cha đã tái hôn ít nhất một lần. Trong 64% (n = 56) số gia đình, cả hai phụ huynh đều đã tái hôn. Chỉ có 4 gia đình là không có phụ huynh nào tái hôn. Có nhiều cha hơn mẹ tái hôn, và họ tái hôn nhanh chóng sau khi ly hôn. Trong mẫu nghiên cứu này, 24%, 60%, và 70% số cha đã tái hôn sau 1, 3, và 5 năm kể từ khi ly hôn, trong khi tỷ lệ các bà mẹ tái hôn trong từng khoảng thời gian tương ứng ít hơn là 12%, 38%, và 49%.

Việc tái hôn thể hiện một sự thay đổi mạnh mẽ khác trong việc tổ chức lại gia đình đã ly hôn, và con cái có những phản ứng khác nhau trước sự thay đổi này. Khi được hỏi liệu việc ly hôn hay việc cha mẹ tái hôn khó giải quyết hơn, hơn một nửa số trẻ em trưởng thành cho biết việc ly hôn là khó khăn nhất và khoảng một phần ba nhớ rằng việc tái hôn của một hoặc nhiều cha mẹ gây ra nhiều đau khổ hơn việc ly hôn. Trong số những người trải qua cuộc tái hôn của cả cha lẫn mẹ, 2/3 cho biết cuộc tái hôn của cha họ căng thẳng hơn cuộc tái hôn của mẹ họ.

Báo cáo của những người con trưởng thành về tác động của việc tái hôn của người cha có liên quan đến những báo cáo của họ về những thay đổi trong chất lượng mối quan hệ cha con. Cụ thể, những người cho biết việc bố tái hôn có tác động tích cực đến cuộc sống của họ có nhiều khả năng cho rằng mối quan hệ của họ với bố trở nên tốt hơn sau

ly hôn so với những người cho rằng việc bố tái hôn có tác động trung lập hoặc tiêu cực đến cuộc sống của họ. Một số lượng lớn những người báo cáo rằng mối quan hệ của họ trở nên tồi tệ hơn với người cha sau khi ly hôn đã trải qua việc ông tái hôn trong vòng một năm sau khi ly hôn (Ahrons & Tanner, 2003).

Phần lớn trẻ em trong nghiên cứu cho biết tại thời điểm phỏng vấn, các em có mối quan hệ tốt với một hoặc cả hai cha mẹ kế. Hầu hết đều lưu ý rằng điều này không phải lúc nào cũng đúng ngay từ đầu nhưng các mối quan hệ đã được cải thiện theo thời gian khi họ hiểu rõ hơn về cha mẹ kế của mình. Một số khác biệt về giới đã xuất hiện, với 2/3 cho biết họ có mối quan hệ thân thiết với cha dượng và gần một nửa cảm thấy gần gũi với mẹ kế. Đối với những đứa trẻ cảm thấy mối quan hệ của chúng với cha mẹ kế rất thân thiết, 2/3 coi cha dượng như ruột thịt [ý là coi như cha đẻ], và tỷ lệ ít hơn một chút cảm thấy như vậy về mẹ kế. Những người khác cảm thấy gần gũi nhưng không coi cha mẹ kế là cha mẹ đẻ, mô tả cha mẹ kế của họ như những người bạn hoặc người cố vấn. Điều quan trọng cần lưu ý là mặc dù có một số khác biệt trong cảm xúc của họ đối với mẹ kế và cha dượng nhưng những khác biệt này không liên quan đến giới tính của đứa trẻ. Con trai và con gái đều nhìn cha mẹ kế của mình theo những cách giống nhau.

Độ tuổi của trẻ, sự phù hợp tính cách giữa con riêng và cha mẹ kế, mối quan hệ với từng cha mẹ ruột, và thời gian dành cho cha dượng là những yếu tố chính ảnh hưởng đến vai trò mà ông ấy đảm nhận trong cuộc sống của chúng. Vì hầu hết các bà mẹ vẫn là người giữ quyền nuôi con chính, nên phần lớn cha dượng sống cùng với con riêng của vợ hiện tại. Mặc dù có một số trẻ em có mối quan hệ thân thiết với cha dượng nhưng lại có mối quan hệ kém với cha ruột, nhưng cũng có trường hợp khác, những người có mối quan hệ không tốt với cha dượng lại gần gũi với cha ruột của mình. Vẫn có những trẻ khác duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với cả hai, và một nhóm nhỏ trẻ em có mối quan hệ kém với cả hai.

Các phát hiện cũng cho thấy có mối liên hệ giữa mối quan hệ với cha họ và mối quan hệ với họ hàng của cha họ. Khi mối quan hệ với cha của họ trở nên tồi tệ hơn theo thời gian, họ cho biết mối quan hệ hiện tại với mẹ kế, các con của bà (anh chị em kế, không phải anh chị em có huyết thống) và ông bà nội (paternal grandparents) của họ cũng kém hơn. Điều này nổi bật nhất là khi người cha tái hôn ngay sau khi ly hôn. Những đứa trẻ trưởng thành cho biết việc cha tái hôn có tác động tích cực đến cuộc sống của chúng cũng nói rằng chúng có mối quan hệ tốt hơn với mẹ kế, anh chị em kế và ông bà nội. Điều này rất quan trọng vì nó liên quan đến những tác động lâu dài đến cảm giác gia đình của con cái trưởng thành sau khi ly hôn. Bởi vì trẻ em có hai nhóm họ hàng, việc chúng có quan hệ với họ hay không và như thế nào đều có ý nghĩa đối với sự liên tục của các mối quan hệ gia đình (Ahrons & Rodgers, 1989).

Khi một gia đình mở rộng thông qua việc tái hôn, nó trở nên phức tạp hơn khi có thêm anh chị em kế (stepsiblings / không huyết thống) và anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha (half-siblings / một nửa huyết thống so với anh chị em ruột). Gần ba phần tư số trẻ em trưởng thành (n = 139) có ít nhất một anh chị em kế khi một hoặc cả hai cha mẹ tái hôn, và khoảng một phần ba trong số họ (n = 42) đã sống với anh chị em kế một thời gian trong thời thơ ấu. Hai phần ba còn lại chỉ gặp anh chị em kế của mình khi họ ở cùng nhau trong thời gian ngắn trong cùng một gia đình hoặc tại các buổi lễ kỷ niệm của đại gia đình. Đối với một số người, điều này chỉ diễn ra một vài lần trong năm.

Họ cũng có anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. 1/3 cha mẹ đẻ của họ có con mới trong cuộc hôn nhân thứ hai, và cha đẻ có con mới nhiều gấp đôi so với mẹ đẻ có con mới. Con cái mới được sinh ra trong 38% (n = 32) số cuộc tái hôn; xét về số lượng trẻ em trưởng thành có anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, 37% (n = 63) có ít nhất một, và 69% (n = 44) trong nhóm này đã sống cùng nhau một thời gian trong thời thơ ấu hoặc thanh thiếu niên. Mặc dù hầu

hết những đứa trẻ đều sống với những anh chị em “chung nửa dòng máu” này trong một thời gian, nhưng một nhóm nhỏ trẻ em chưa bao giờ sống với họ.

Trong 1/5 số gia đình song nhân, trẻ em có cả anh chị em kế và anh chị em “chung nửa dòng máu”. Đây là những gia đình phức tạp nhất, đặc biệt đối với một số ít người có tất cả hoán vị của anh chị em “chung nửa dòng máu” và anh chị em kế [tức là có anh chị em là con riêng của mẹ kế, có anh chị em là con riêng của cha dượng, có anh chị em là con cùng cha khác mẹ, có anh chị em là con cùng mẹ khác cha].

Chưa đến một phần ba số trẻ em trong nghiên cứu coi anh chị em kế của mình như anh chị em ruột. Những người làm như vậy có nhiều khả năng đã sống với họ, trong một vài ngày trong tuần hoặc trong một thời gian dài. Sự khác biệt về tuổi tác, tần suất tiếp xúc và các vấn đề về tính cách đều được đưa vào phương trình xác định ý nghĩa của những người anh chị em kế này trong cuộc sống của họ. Hình ảnh với anh chị em “chung nửa dòng máu” nhất quán hơn nhiều. Ngược lại với cách chúng nghĩ về anh chị em kế, hầu hết trẻ em đều nghĩ anh chị em cùng cha khác mẹ (hoặc cùng mẹ khác cha) của mình như anh chị em ruột.

Trong khi các anh chị em kế trở thành anh chị em ngay lập tức, không có lịch sử chung nào, khi trẻ em có một anh chị em cùng cha khác mẹ (hoặc cùng mẹ khác cha), chúng biết đến đứa trẻ này từ khi nó được sinh ra. Đến thời điểm đứa trẻ được sinh ra, chúng thường đã có thời gian thích nghi với việc tái hôn của phụ huynh và có thể dự đoán sự xuất hiện của anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha mới. Mặc dù những khác biệt này không nhất thiết quyết định chất lượng của mối quan hệ giữa các anh chị em với nhau, chúng lại mang lại cái nhìn sâu sắc vào việc hiểu một số khác biệt trong cách trẻ em gắn bó với các anh chị em kế và anh chị em có chung một nửa dòng máu (cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha).

Nhiều mối quan hệ trong gia đình kể là không chắc chắn, đặc biệt nếu cha mẹ ruột và cha mẹ kế ly hôn [bố ruột ly hôn với mẹ kế, mẹ ruột ly hôn với cha dượng]. Một phần tư số mẹ và bố trong nghiên cứu đã trải qua đám cưới thứ hai và sau đó sống chung hoặc tiến tới hôn nhân lần thứ ba. Đối với nhiều trẻ em, việc ly hôn lần thứ hai và tái hôn lại là một sự chuyển tiếp lớn khác gây khó khăn, mặc dù một số trẻ cảm thấy nhẹ nhõm vì không thích cha mẹ kế của mình. Những gì xảy ra với những mối quan hệ này sau khi ly hôn phụ thuộc phần lớn vào việc cuộc hôn nhân kéo dài bao lâu, mối quan hệ giữa trẻ em và cha mẹ kế của chúng có chặt chẽ không, và bản chất của cuộc ly hôn giữa cha mẹ ruột (biological parent) và cha mẹ kế (stepparent). Nhiều cuộc hôn nhân thứ hai của các bậc phụ huynh kéo dài ít hơn 5 năm, và không tạo được mối liên kết sâu đậm với cha mẹ kế hay các thành viên khác trong gia đình kế. Tuy nhiên, khi cuộc hôn nhân thứ hai kéo dài đủ lâu để trẻ em phát triển mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ kế, một số tiếp tục duy trì những mối quan hệ này trong nhiều năm sau đó. Đối với một số ít trẻ em, [khi gia đình kế ly hôn thì] không chỉ mất đi cha mẹ kế mà chúng đã gắn bó sâu đậm, nhưng chúng còn phải trải qua cảm giác tổn thất khi mất đi ông bà kế (step-grandparents) nữa.

THẢO LUẬN VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI THỰC HÀNH

Khi kết hợp lại, những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng đối với nhà trị liệu trong công việc của họ với các gia đình ly hôn. Xét đến những hậu quả lâu dài của việc ly hôn, nhu cầu để các nhà trị liệu nhấn mạnh vào quan điểm về quá trình cuộc sống và hệ thống gia đình được làm nổi bật. Mối quan hệ cha mẹ - con cái tiếp tục xuyên suốt quá trình phát triển của cuộc sống, và việc ly hôn của cha mẹ trong bất kỳ giai đoạn chuyển tiếp nào cũng có thể thay đổi mối quan hệ gia đình. Việc những mối quan hệ gia đình này có ổn định, cải thiện hay trở nên tồi tệ hơn phụ thuộc vào sự giao thoa phức tạp của cả yếu tố trước và sau khi ly hôn.

Hầu hết các bậc cha mẹ ly hôn chỉ nhìn nhận theo cách ngắn hạn, hẹp hòi về những tác động của mối quan hệ tiếp tục của họ. Rất quan trọng là các nhà trị liệu giúp cha mẹ ly dị mở rộng cái nhìn về gia đình hậu ly hôn của mình và xem xét những ảnh hưởng của mối quan hệ sau ly dị. Việc yêu cầu từng bậc cha mẹ tưởng tượng vài năm về sau và hiện thực hóa một sự kiện tương lai như lễ tốt nghiệp hay đám cưới của con cái, sau đó hỏi họ sẽ tham gia vào dịp chung vui ấy như thế nào có thể là một sự can thiệp mạnh mẽ. Cũng rất quan trọng là phải mang lại hy vọng và mục tiêu cho các bậc cha mẹ bằng cách thông tin để họ biết rằng không bao giờ là muộn để cải thiện mối quan hệ và có được cuộc ly hôn tốt đẹp (good divorce).

Sau ly hôn, không hiếm gặp các trường hợp ông bố cảm thấy mình trở nên kém quan trọng trong cuộc sống của con cái. Các nhà trị liệu có thể giúp đỡ bằng cách cung cấp thông tin cho cả bố và mẹ về nhu cầu của trẻ em đối với sự liên lạc và tham gia liên tục của người bố. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự can thiệp sớm với các ông bố có ảnh hưởng đáng kể trong việc tăng cường sự tham gia của họ (Cookston, Braver, & Griffin, 2007; Cowan, Cowan, Pruett, & Pruett, 2007), và bằng cách làm như vậy từ sớm, họ có nhiều khả năng duy trì mối quan hệ tốt đẹp với con cái 20 năm sau (Ahrons & Tanner, 2003). Việc nhấn mạnh tới cha mẹ về tầm quan trọng của những phát hiện này, cung cấp những mô hình tích cực và giúp các ông bố nâng cao kỹ năng làm cha là những can thiệp quan trọng giúp các ông bố ly hôn tiếp tục duy trì mối quan hệ ý nghĩa với con cái của mình.

Mặc dù mối quan hệ giữa các bà mẹ và con cái không bị ảnh hưởng tiêu cực sau ly hôn như các ông bố (Ahrons & Tanner, 2003), việc làm việc với các bà mẹ để giúp họ nhận thức được rằng trẻ em cần và được lợi từ việc tiếp tục duy trì mối quan hệ với cha là điều quan trọng và bản chất của mối quan hệ đó tương tác với mối quan hệ đồng cha mẹ (coparental relationship) như thế nào. Cả cha và mẹ đều cần hiểu mối quan hệ thù địch của họ với nhau có khả năng dẫn đến những xung đột

đau đớn về lòng trung thành đối với con cái họ. Các vấn đề liên quan đến tiếp xúc giữa những người cha không cư trú và con cái của họ thường khó giải quyết, không chỉ đối với cha mẹ mà cả với các nhà trị liệu. Xung đột giữa các bậc cha mẹ đã ly hôn nhanh chóng leo thang thành các cuộc tranh giành quyền lực ngày càng khốc liệt, trong đó mỗi bên cha mẹ đổ lỗi cho người kia về việc người cha thiếu liên lạc và/hoặc không tham gia với con cái. Điều quan trọng là giúp các bà mẹ xem xét vai trò gác cổng của họ và tác động của vai trò này đối với việc chồng cũ tiếp tục quan tâm đến con cái. Điều quan trọng nữa là giúp những người cha hiểu rõ hơn về vai trò của họ trong việc kéo dài và duy trì cuộc đấu tranh quyền lực.

Nghiên cứu dài hạn này rõ ràng cho thấy những năm sau ly hôn mang lại những thay đổi đáng kể cho trẻ em. Cha mẹ tái hợp, một số tái hôn, và những người khác trải qua ly hôn lần hai và thậm chí lần ba. Không chỉ có sự xuất hiện của cha dượng, mẹ kế trong hệ thống gia đình, mà đa số trẻ em còn chứng kiến mạng lưới anh chị em của mình phát triển khi họ có thêm anh chị em kế và anh chị em một nửa huyết thống khác. Gia đình song nhân không phải là gia đình gọn gàng; chúng được tạo thành từ sự kết hợp của các mối quan hệ máu mủ và không máu mủ (nonblood relationships), làm lu mờ các định nghĩa vai trò rõ ràng và thường thiếu các thuật ngữ họ hàng phù hợp. Phát hiện cho thấy, ngay cả giữa các anh chị em ruột trong cùng một gia đình, mối quan hệ với anh chị em kế và anh chị em nửa huyết thống cũng như quan hệ với cha dượng và mẹ kế sẽ được trải nghiệm khác nhau.

Khi cha mẹ tái hôn, họ (cha mẹ) thường tin rằng hạnh phúc của họ trong cuộc hôn nhân mới sẽ được chia sẻ bởi những đứa trẻ mà mỗi người mang theo, theo sau là ý tưởng rằng các đơn vị riêng biệt của họ sẽ dễ dàng hòa hợp với nhau như một gia đình. Khi trẻ không đáp ứng được những mong đợi này, điều đó có thể tạo ra sự thất vọng và đau khổ cho tất cả các thành viên trong gia đình. Vai trò trung tâm của nhà trị liệu là giúp trẻ em và gia đình chúng hiểu được những thách thức mà những

sự sắp xếp phức tạp này đặt ra và hỗ trợ họ phát triển những kỳ vọng thực tế về những mối quan hệ mới này. Tôi nhận thấy rằng việc cho gia đình xem sơ đồ các mối quan hệ trong gia đình song nhân, ghi chú tất cả các mối quan hệ dưới góc độ đứa trẻ, giúp cha mẹ hình dung rằng mặc dù họ có thể không cảm thấy có liên quan đến một số người (vợ/chồng mới của vợ/chồng cũ và đại gia đình của họ), con của họ cũng vậy.

Các nhà trị liệu cần phải làm rõ với phụ huynh rằng mối quan hệ đồng phụ huynh mà họ thiết lập và duy trì sẽ ảnh hưởng đến bốn thế hệ trong gia đình, đặc biệt là trong hệ thống họ hàng bên nội (paternal kin system). Khi làm việc với những người trẻ tuổi có cha mẹ ly hôn, những người vẫn tiếp tục chịu đựng hậu quả tiêu cực từ những xung đột không ngừng của cha mẹ, việc đưa cha mẹ tham gia vào các phiên trị liệu có thể là một can thiệp mạnh mẽ với khả năng tạo ra sự thay đổi đáng kể trong mối quan hệ gia đình. Ngay cả nhiều năm sau ly hôn, khi cha mẹ ly hôn phải đối mặt với nỗi đau và sự khổ sở do xung đột và thù địch kéo dài của họ gây ra cho con cái và ảnh hưởng tiêu cực từ đó lên các mối quan hệ gia đình, nó mang lại cơ hội cho sự thay đổi. Chẳng hạn, giải thích rằng khi cha mẹ vẫn còn chiến tranh lạnh hoặc coi thường lẫn nhau - ngay cả sau 20 năm - con cái có khả năng rút lui khỏi mối quan hệ với cha hoặc mẹ. Đối với cha mẹ, việc thấy cách hành vi của họ - không phải việc ly hôn, mà là chất lượng của việc chia sẻ nuôi dạy con cái - tiếp tục vang dội qua toàn bộ hệ thống gia đình là điều khiến họ suy ngẫm. Điều quan trọng là các nhà trị liệu phải thách thức quan niệm sai lầm rằng khi con cái đã trưởng thành, mối quan hệ của cha mẹ không ảnh hưởng tới chúng. Giống như cách chúng ta đã bình thường hoá quá trình tìm kiếm tư vấn hôn nhân, các bậc cha mẹ ly hôn cũng nên được khuyến khích xem xét các can thiệp ngăn gọn khi cần thiết trong suốt quá trình đời sống của họ, để giúp cải thiện khả năng làm cha mẹ một cách hiệu quả và do đó tăng cường khả năng phục hồi (resilience) của gia đình (Ahrons, 1994).

Khi những người con trưởng thành có cha mẹ ly hôn tìm kiếm sự giúp đỡ chuyên nghiệp, thì việc ly hôn và hậu quả của nó có thể trở thành một chủ đề đau buồn trong lịch sử của họ. Những nhãn mác làm bệnh hoá việc ly hôn, như ACOD (Adult Children of Divorce / Người Con Trưởng Thành của Cha Mẹ Ly Hôn), gửi đi thông điệp cho trẻ em rằng họ là nạn nhân (Bernstein, 2007). Các nhà trị liệu có thể giúp người trẻ trở nên kiên cường hơn và vượt qua những thông điệp mang tính khuôn mẫu này bằng cách nhận diện thế mạnh của họ, khám phá các phương thức đối phó hiệu quả hơn, và tìm kiếm mô hình tích cực để giải quyết các vấn đề trong mối quan hệ trong gia đình phức tạp của họ.

Nghiên cứu Gia đình Song nhân là độc đáo khi nghiên cứu phản ứng của tất cả anh chị em trong gia đình. Một phát hiện quan trọng là việc các anh chị em có những quan điểm khá khác nhau về việc ly hôn của bố mẹ và cảm thấy rằng việc ly hôn ảnh hưởng đến họ theo những cách khác nhau không phải là hiếm gặp. Các yếu tố như giới tính, tuổi tác vào thời điểm ly hôn, hay thứ tự ra đời không có mối liên hệ với kết quả và không có mô hình nào được xác định để giải thích sự khác biệt giữa các anh chị em. Trong một số trường hợp, có vẻ như nó liên quan đến mối quan hệ cha/mẹ và con cái trước khi ly hôn; trong những trường hợp khác, có vẻ như nó phụ thuộc vào các liên minh được phát triển trong hệ thống gia đình. Một can thiệp ý nghĩa cho người trẻ tuổi trong liệu pháp là có một vài phiên trị liệu bao gồm anh chị em của họ. Đối mặt với sự khác biệt giữa các anh chị em có thể rất hữu ích trong việc phát triển một góc nhìn khác về việc ly hôn của cha mẹ.

Làm việc với các gia đình sau ly hôn đòi hỏi một phương pháp tiếp cận đa tầng phức tạp (Ahrons, 1996). Khi ly hôn xảy ra không chỉ trẻ em bị ảnh hưởng; cha mẹ và anh chị em của cặp vợ chồng ly hôn cũng có thể trở nên rất liên quan trong quá trình này. Khi những người ly hôn tiếp tục chiến tranh lạnh với nhau thì mối quan hệ mở rộng trong hệ thống họ hàng của trẻ có khả năng bị ảnh hưởng. Bị kẹt trong xung đột lòng trung thành (loyalty conflicts), trẻ em có thể thấy khó khăn để duy trì mối quan

hệ với cả dòng họ nội và ngoại. Như chúng ta đã thấy, tái hôn làm cho bức tranh càng phức tạp và có thể tạo ra một rạn nứt xa hơn trong mối quan hệ của trẻ em với dòng họ nội hoặc ngoại.

Những cuộc ly hôn tốt là những cuộc ly hôn mà trẻ em có thể thoải mái duy trì mối quan hệ với cả cha & mẹ và mạng lưới họ hàng rộng lớn (extended kin networks) của chúng. Như kết quả từ nghiên cứu này cho thấy, khi cha mẹ có khả năng giảm thiểu xung đột của mình đủ tốt để cùng nhau nuôi dạy con cái hiệu quả, trẻ em tiếp tục có mối quan hệ với cả cha lẫn mẹ và duy trì được cảm giác về gia đình sinh học (biological family) của chúng. Một lợi ích bổ sung là các mối quan hệ được hình thành khi cha mẹ tái hôn cũng có xu hướng mang lại nhiều niềm vui hơn cho trẻ em khi hệ thống họ hàng của chúng được mở rộng chứ không phải thu nhỏ lại.

Phát hiện từ nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lắng nghe tiếng nói của trẻ em đã trải qua ly hôn của cha mẹ. Mặc dù quan điểm của chúng có thể khác biệt đáng kể so với cha mẹ, nhưng chính nhận thức của chúng, chứ không phải cha mẹ, là nền tảng cho phản ứng và hành vi của chúng. Tiếng nói của trẻ em thường bị lãng quên trong nghiên cứu của chúng ta khi chúng ta chỉ sử dụng các biện pháp đo lường khách quan (objective measures) để xác định sự điều chỉnh, thích nghi (adjustment) và chỉ dựa vào số liệu để mô tả phản ứng của chúng. Hạnh phúc & bình an (well-being) là một khái niệm xã hội và cách trẻ em cảm nhận về ảnh hưởng của việc ly hôn của cha mẹ cũng như hệ quả của điều đó làm thay đổi cuộc sống của chúng như thế nào là cốt lõi để chúng ta hiểu trải nghiệm cá nhân về ly hôn và ảnh hưởng của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Adams, M., & Coltrane, S. (2007). Khung cảnh cải cách ly hôn: Truyền thông, đạo đức và chính trị gia đình. *Family Process*, 46, 17–34.

Ahrons, C.R. (1994). *Ly hôn tốt: Giữ gia đình bạn đoàn tụ khi hôn nhân tan vỡ*. New York: HarperCollins.

Ahrons, C.R. (1996). *Làm cho ly hôn thành công. Một phương pháp lâm sàng đối với gia đình song nhân* [Băng video]. New York: Guilford Press.

Ahrons, C.R. (2001). *Ly hôn và tái hôn: Trẻ em lên tiếng*. Báo cáo nghiên cứu được gửi cho Hội đồng Tư pháp California, Trung tâm Gia đình, Trẻ em và Tòa án, San Francisco, CA.

Ahrons, C.R. (2004). *Chúng ta vẫn là gia đình: Những điều con cái trưởng thành muốn nói về việc ly hôn của cha mẹ họ*. New York: HarperCollins.

Ahrons, CR, & Miller, R.B. (1993). Ảnh hưởng của mối quan hệ sau ly hôn đến sự tham gia của người cha: Một phân tích dài hạn. *American Journal of Orthopsychiatry*, 63, 441–450.

Ahrons, CR, & Rodgers, R.H. (1989). *Gia đình ly hôn: Một quan điểm phát triển đa ngành*. New York: Norton.

Ahrons, CR, & Tanner, J.L. (2003). Người cha và con cái trưởng thành: Những mối quan hệ 20 năm sau khi cha mẹ ly hôn. *Family Relations*, 52, 340–351.

Ahrons, C.R., & Wallisch, L. (1987). Mối quan hệ giữa vợ chồng cũ. TRONG. D. Perlman & S. Duck (Eds.), *Mối quan hệ thân thiết: Phát triển, động lực và suy thoái* (trang 269–296). Los Angeles: Sage.

Bengtson, V.L., & Allen, K.R. (1993). Quan điểm về cuộc sống được áp dụng cho các gia đình theo thời gian. Trong P. Boss, W. Doherty, R. La Rossa, W. Schumm, & S. Stimmetz (Eds.), *Sourcebook of family theories and methods: A contextual approach* (trang 469–498). New York: Plenum Press.

Bernstein, A. (2007). Nhìn lại, tái cơ cấu và hòa giải: Thực hành lâm sàng với các gia đình phức tạp sau ly hôn. *Family Process*, 46, 67–78.

Brewin, C.R., Andrews, B., & Gotlib, I.H. (1993). Tâm lý học và trải nghiệm ban đầu: Đánh giá lại các báo cáo hồi cứu. *Psychological Bulletin*, 113, 82–98.

Cookston, J.T., Braver, S.L., & Griffin, W.A. (2007). Tác động của sự can thiệp của Dads For Life đối với xung đột giữa cha mẹ và việc cùng nuôi dạy con cái trong hai năm sau khi ly hôn. *Family Process*, 46, 123–137.

Cowan, C.P., Cowan, P.A., Pruett, M.K., & Pruett, K. (2007). Một cách tiếp cận để ngăn chặn xung đột và ly hôn trong việc nuôi dạy con chung trong các gia đình có thu nhập thấp: Tăng cường mối quan hệ vợ chồng và thúc đẩy sự tham gia của các ông bố. *Family Process*, 46, 109–121.

Hetherington, ME (2003). Con đường thân mật: Thay đổi mô hình trong các mối quan hệ cá nhân thân thiết theo thời gian. *Family Relations*, 52, 318–331.

Hetherington, ME, & Kelly, J. (2002). *Dù tốt hay xấu: Việc ly hôn được xem xét lại*. New York: Norton.

Tausig, J.E., & Freeman, EW (1988). Điều tốt nhất tiếp theo là ở đó. *American Journal of Orthopsychiatry*, 58, 418–427.

Wallerstein, JS, & Kelly, J.B. (1980). *Sống sót sau cuộc chia tay*. New York: Basic Books.

- Hết -

Lời của người biên tập: Nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (lyhon.org)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://www.familieslink.co.uk/download/sept07/Family%20Ties%20After%20Divorce%20LongTerm%20Implications.pdf>

Mặc dù cố gắng hết sức, nội dung của bản dịch khó tránh khỏi sai sót, mong quý vị thông cảm. Nếu quý vị có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản 3.1 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 10/07/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trong tài liệu sẽ có thông báo rõ ràng về phiên bản để độc giả phân biệt.